ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LA BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số:193 /TB- UBND	*La Bằng, ngày 03 tháng 11 năm 2025*

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi rà soát năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 9/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tổ chức rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều hằng năm giai đoạn 2022-2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ kế hoạch số 50/KH-UBND, ngày 10/9/2025 của UBND xã La Bằng, Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều hằng năm giai đoạn 2022-2025;

UBND xã La Bằng đã triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 thời gian thực hiện rà soát từ ngày 17/10/2025 đến ngày 24/10/2025. Sau khi tổng hợp kết quả rà soát từ các xóm, UBND xã thực hiện niêm yết công khai kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2025 trên địa bàn toàn xã.

(Có danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2025 kèm theo)

Thời gian niêm yết 3 ngày làm việc, tính từ ngày 05/11/2025 đến hết ngày 07/11/2025.

UBND xã yêu cầu các ông (bà) trưởng xóm thông báo cho các hộ dân trong xóm biết và niêm yết danh sách các hộ công khai tại nhà văn hóa xóm. Đồng thời tổng hợp các ý kiến thắc mắc của người dân (nếu có) báo cáo Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã để tổng hợp và giải quyết kịp thời.

Sau thời gian niêm yết nếu không có ý kiến thắc mắc của nhân dân về danh sách trên, UBND xã sẽ lập danh sách báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy -TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ và các đoàn thể;
- Phòng Kinh tế;
- Các ông (bà) trưởng xóm(thực hiện);
- Lưu VP, UBND.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tô Hà Phương

DANH SÁCH HỘ NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 793/TB-UBND, ngày 03 tháng 11 năm 2025 của UBND xã La Bằng)

TT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ xóm	Số điểm B1	Số điểm B2	Thuộc đối tượng
1	Nguyễn Thị Thân	03/02/1957	Đồng Khuân	115	40	Hộ nghèo
2	Triệu Thị Liên	20/10/1959	Suối Chùn	85	30	Hộ nghèo
3	Nguyễn Thị Thắm	16/6/1960	Đoàn Thắng	110	40	Hộ nghèo
4	Phạm Thị Hà	24/10/1974	Đoàn Thắng	115	50	Hộ nghèo
5	Triệu Văn Quyết	17/7/1989	Làng Hưu	95	30	Hộ nghèo
6	Nguyễn Xuân Hạnh	20/5/1955	Đầm Cầu	135	30	Hộ nghèo
7	Phạm Thị Len	27/04/1905	La lương	120	40	Hộ nghèo
8	Lục Thị Quỳnh	10/05/1991	Cầu Đá	130	30	Hộ nghèo
9	Trịnh Thị Vân	01/01/1929	Cầu Đá	115	30	Hộ nghèo
10	Vũ Văn Thành	20/5/1933	Cầu Đá	105	30	Hộ nghèo
11	Nguyễn Văn Thảo	04/04/1994	La Kham	110	40	Hộ nghèo
12	Nguyễn Thị Thoa	01/01/1947	La Kham	125	30	Hộ nghèo
13	Ngô Thị Lộc	20/4/1955	Kèo Hái	140	30	Hộ nghèo
14	Lý Thị Tâm	13/7/1954	Kèo Hái	135	30	Hộ nghèo
15	Nguyễn Thị Hoa	03/02/1953	La Dây	130	50	Hộ nghèo
16	Nghiêm Văn Sinh	10/11/1940	Ao Mật	105	40	Hộ nghèo
17	Hoàng Thị Thanh	03/01/1963	Ao Mật	130	30	Hộ nghèo
18	Lê Thị Gai	04/04/1944	Tiên Trường 1	110	30	Hộ nghèo
19	Võ Văn Hải	11/02/1980	Tiên Trường 1	125	30	Hộ nghèo
20	Nguyễn Văn Tảo	06/04/1959	Tiên Trường 1	110	30	Hộ nghèo
21	Đồng Kim Quế	01/06/1905	Tiên trường2	120	30	Hộ nghèo
22	Nguyễn Thị Đệ	11/10/1952	Lập Mỹ	110	30	Hộ nghèo
23	Hoàng Thị Nhờ	08/08/1937	xóm Gò	100	30	Hộ nghèo
24	Nguyễn Thị Viễn	17/5/1966	xóm Gò	110	30	Hộ nghèo
25	Trịnh Thanh Tâm	12/09/1955	xóm Gò	110	30	Hộ nghèo

26	Nguyễn Thị Kẹo	20/5/1940	Tiên Hội	105	30	Hộ nghèo
27	Nguyễn Thị An	01/01/1941	Đồng Mạc	125	30	Hộ nghèo
28	Ngô Thị Đông	21/2/1956	Đồng Mạc	105	30	Hộ nghèo
29	Hà Thị Nùng	29/6/1957	Đồng Mạc	115	30	Hộ nghèo
30	Trần Thị Tư	08/12/1955	Đồng Chung	120	40	Hộ nghèo
31	Nguyễn Thị Tiền	10/10/1948	Đại Quyết	125	60	Hộ nghèo
32	Tô Văn Ty	01/01/1952	Đại Quyết	125	40	Hộ nghèo
33	Đỗ Thị Dung	20/1/1981	Phúc Lẩm	110	30	Hộ nghèo
34	Đàm Hồng Nim	26/7/1953	Phúc Lẩm	95	30	Hộ nghèo
35	Nguyễn Thị An	01/01/1946	Phố Dầu	120	30	Hộ nghèo
36	Trương Thị Nguyên	22/10/1954	Phố Dầu	120	30	Hộ nghèo
37	Nguyễn Thị Chăm	18/11/1950	Bãi cải	120	30	Hộ nghèo
38	Nguyễn Thị Hồng	13/10/1947	Bãi cải	100	30	Hộ nghèo
39	Chu Thị Phẻn	12/3/1962	La Nạc	65	30	Hộ nghèo
40	Trần Thị Thực	9/10/1940	La Nạc	115	30	Hộ nghèo
41	Hoàng Văn Quân	15/11/1989	Lau Sau	115	30	Hộ nghèo
42	Lê Thị Sáo	14/4/1958	La Bằng	125	30	Hộ nghèo
43	Nguyễn Thị Bốn	17/7/1946	La Bằng	105	30	Hộ nghèo
44	Lương Thị Quyền	04/01/1942	Rừng Vần	125	40	Hộ nghèo
45	Nguyễn Thị Bốn	20/7/1950	Rừng Vần	115	40	Hộ nghèo
46	Triệu Văn Chung	04/08/1974	Tân Sơn	100	40	Hộ nghèo
47	Nguyễn Thị Lự	01/01/1944	Tân Sơn	130	40	Hộ nghèo
48	Phan Thúy Vọng	24/7/1964	Non Bẹo	105	30	Hộ nghèo

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo Thông báo số 193 /TB-UBND, ngày 03 tháng 11 năm 2025 của UBND xã La Bằng)

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ xóm	Số điểm B1	Số điểm B2	Thuộc đối tượng
1	Đặng Thị Bình	14/4/1950	Đồng Khuân	140	20	Hộ cận nghèo
2	Hứa Thị Sình	29/8/1984	Đồng Khuân	135	20	Hộ cận nghèo
3	Triệu Văn Dũng	20/7/1994	Suối Chùn	120	10	Hộ cận nghèo
4	Vương Thị Kim	25/04/1905	Suối Chùn	100	20	Hộ cận nghèo
5	Nguyễn Duy Du	08/11/1989	Suối Chùn	120	20	Hộ cận nghèo
6	Hà Kim Quyết	08/05/1949	Suối Chùn	135	20	Hộ cận nghèo
7	Triệu Văn Sáng	10/06/1962	Suối Chùn	130	20	Hộ cận nghèo
8	Phạm Thị Cúc	01/01/1948	Đoàn Thắng	130	20	Hộ cận nghèo
9	Nguyễn Thị Hòa	25/4/1950	Đoàn Thắng	130	20	Hộ cận nghèo
10	Nguyễn Văn Khiết	02/10/1950	Đoàn Thắng	120	20	Hộ cận nghèo
11	Đồng Thị Hồng	25/5/1952	Đoàn Thắng	130	20	Hộ cận nghèo
12	Triệu Văn Ba	10/10/1988	Làng Hưu	135	10	Hộ cận nghèo
13	Triệu Văn Vượng	01/03/1938	Làng Hưu	135	10	Hộ cận nghèo
14	Bàn Văn Hòa	16/9/1994	Làng Hưu	130	10	Hộ cận nghèo
15	Nguyễn Văn Tùng	26/11/1986	Đình Cổ	120	20	Hộ cận nghèo
16	Hoàng Thị Vỹ	29/1/1963	Đình Cổ	135	20	Hộ cận nghèo
17	Triệu Sinh Long	04/03/1952	Đình Cổ	135	20	Hộ cận nghèo
18	Vũ Văn Huệ	10/06/1956	Đầm Cầu	140	20	Hộ cận nghèo
19	Nguyễn Thị Thắm	05/08/1955	Đầm Cầu	120	20	Hộ cận nghèo
20	Trịnh Thị Thục	05/09/1965	Cầu Đá	140	20	Hộ cận nghèo
21	Phạm Văn Ơn	03/01/1936	La Kham	140	20	Hộ cận nghèo
22	Phan Văn Dính	20/5/1945	La Kham	140	20	Hộ cận nghèo
23	Dương Thị Tước	01/10/1941	La Dây	140	20	Hộ cận nghèo
24	Bùi Đức Trường	09/07/1955	La Dây	135	20	Hộ cận nghèo
25	Nguyễn Văn Duyên	11/11/1964	Làng Đảng	140	20	Hộ cận nghèo
26	Vũ Đức Đạt	05/05/1957	Làng Đảng	130	20	Hộ cận nghèo
27	Nguyễn Thị Huệ	24/9/1949	Làng Đảng	135	20	Hộ cận nghèo

28	Nguyễn Thị Hồng	26/6/1978	Làng Đảng	135	20	Hộ cận nghèo
29	Nguyễn Thị Hường	22/12/1969	Ao Mật	125	20	Hộ cận nghèo
30	Vũ Ngọc Trình	22/1/1951	Đoàn Kết	135	20	Hộ cận nghèo
31	Vũ Văn Tình	26/7/1987	Đoàn Kết	115	20	Hộ cận nghèo
32	Võ Văn Thành	02/08/1968	Tiên Trường 1	125	20	Hộ cận nghèo
33	Mai Thị Thành	08/01/1952	Tiên Trường 1	125	0	Hộ cận nghèo
34	Mai Thị Thu	06/01/1950	Tiên Trường 1	135	10	Hộ cận nghèo
35	Nguyễn Văn Độ	08/05/1905	Tiên trường 2	100	20	Hộ cận nghèo
36	Đồng Xuân Phương	13/04/1905	Tiên trường 2	125	20	Hộ cận nghèo
37	Phạm Văn Túc	25/04/1905	Tiên trường 2	140	20	Hộ cận nghèo
38	Nguyễn Xuân Trường	14/05/1905	Tiên trường 2	115	20	Hộ cận nghèo
39	Lương Thị Hào	17/6/1947	Lập Mỹ	140	20	Hộ cận nghèo
40	Nguyễn Thị Lộc	20/8/1935	Lập Mỹ	140	20	Hộ cận nghèo
41	Hoàng Thị Là	09/05/1960	Lập Mỹ	140	20	Hộ cận nghèo
42	Lý Thị Ngân	05/07/1990	Lập Mỹ	135	20	Hộ cận nghèo
43	Nguyễn Thị Sinh	14/12/1957	xóm Gò	100	20	Hộ cận nghèo
44	Nguyễn Văn Năm	15/10/1964	xóm Gò	125	10	Hộ cận nghèo
45	Ma Văn Lượng	28/8/1982	xóm Gò	135	10	Hộ cận nghèo
46	Nguyễn Thị Bốn	13/2/1956	Tiên Hội	130	20	Hộ cận nghèo
47	Nguyễn Văn Bình	17/10/1954	Tiên Hội	140	20	Hộ cận nghèo
48	Nguyễn Thị Liên	14/7/1974	Tiên Hội	135	20	Hộ cận nghèo
49	Nguyễn Văn Vĩ	15/6/1974	Tiên Hội	140	20	Hộ cận nghèo
50	Lương Văn Chang	11/10/1978	Đồng Mạc	140	20	Hộ cận nghèo
51	Nguyễn Thị Bình	27/12/1956	Đồng Mạc	120	20	Hộ cận nghèo
52	Hoàng Thị Tiều	24/8/1962	Đồng Mạc	125	20	Hộ cận nghèo
53	Chu Hồng Việt	07/01/1976	Đồng Mạc	130	20	Hộ cận nghèo
54	Nguyễn Thị Phong	20/11/1957	Đồng Chung	125	20	Hộ cận nghèo
55	Đàm Thị Nguyệt	25/6/1986	Đồng Chung	125	20	Hộ cận nghèo
56	Trần Minh Tuân	03/01/1974	Đồng Chung	130	10	Hộ cận nghèo
57	Nguyễn Văn Quyết	10/05/1968	Đồng Chung	125	20	Hộ cận nghèo
58	Đinh Thị Lập	20/6/1955	Đồng Chung	125	20	Hộ cận nghèo

59	Nguyễn Văn Hội	20/11/1990	Đồng Chung	125	20	Hộ cận nghèo
60	Nghiêm Văn Tuấn	02/05/1992	Đại Quyết	140	20	Hộ cận nghèo
61	Phùng Thị Thiềng	30/12/1943	Đại Quyết	140	20	Hộ cận nghèo
62	Trần Thị Thu	30/6/1955	Đại Quyết	140	20	Hộ cận nghèo
63	Hoàng Văn Hậu	04/10/1983	Đại Quyết	140	20	Hộ cận nghèo
64	Phùng Thị Veo	28/8/1947	Đại Quyết	140	20	Hộ cận nghèo
65	Cao Danh Hương	21/1/1940	Đại Quyết	140	20	Hộ cận nghèo
66	Đàm Kim Quy	09/06/1988	Thắng Lợi	120	20	Hộ cận nghèo
67	Tô Thị Tính	14/9/1958	Thắng Lợi	130	20	Hộ cận nghèo
68	Ma Thị Thành	12/07/1944	Thắng Lợi	140	10	Hộ cận nghèo
69	Nguyễn Văn Được	07/01/1957	Thắng Lợi	130	10	Hộ cận nghèo
70	Nguyễn Văn Bình	02/02/1940	Thắng Lợi	130	20	Hộ cận nghèo
71	Hoàng Thị Vinh	26/12/1974	Thắng Lợi	135	20	Hộ cận nghèo
72	Hoàng Thị Nữ	24/3/1974	Thắng Lợi	130	10	Hộ cận nghèo
73	Đỗ Thị Hường	12/12/1987	Phúc Lẩm	135	20	Hộ cận nghèo
74	Hoàng Thị Hoa	26/6/1952	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
75	Đào Thị Hạnh	09/02/1964	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
76	Hứa Văn Báo	29/1/1979	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
77	Phạm Văn Tú	07/07/1990	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
78	Lý Thị Phượng	05/01/1947	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
79	Vi Thị Hiên	14/1/1979	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
80	Nguyễn Thị Bích Hải	04/02/1973	Phúc Lẩm	135	20	Hộ cận nghèo
81	Phan Thị Hoài	17/8/1983	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
82	Nguyễn Thị Thùy	04/03/1960	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
83	Hoàng Ngọc Sen	04/04/1942	Phúc Lẩm	140	20	Hộ cận nghèo
84	Nguyễn Văn Lương	17/6/1962	Phố Dầu	140	10	Hộ cận nghèo
85	Kiều Văn Lập	16/5/1950	Trung Na	120	10	Hộ cận nghèo
86	Nguyễn Thị Lan	12/12/1941	Trung Na	125	20	Hộ cận nghèo
87	Đỗ Thị Lụa	09/02/1959	Trung Na	110	10	Hộ cận nghèo
88	Nguyễn Thị Xuyến	24/7/1958	Trung Na	135	20	Hộ cận nghèo
89	Nguyễn Văn Mỹ	03/08/1978	Trung Na	120	10	Hộ cận nghèo
90	Đồng Thị Tước	27/7/1945	Trung Na	105	20	Hộ cận nghèo

91	Vũ Thị Thìn	13/3/1935	Bãi cải	125	20	Hộ cận nghèo
92	Trịnh Văn Khánh	23/4/1961	Bãi cải	115	20	Hộ cận nghèo
93	Hoàng Thị Huệ	04/10/1947	Bãi cải	135	20	Hộ cận nghèo
94	Lưu Văn Phu	20/9/1961	Bãi cải	130	20	Hộ cận nghèo
95	Nguyễn Thị Uông	22/04/1905	Bãi cải	135	20	Hộ cận nghèo
96	Hứa Văn Sằn	21/6/1963	La Nạc	135	20	Hộ cận nghèo
97	Hoàng Văn Quyết	26/6/1986	La Nạc	140	20	Hộ cận nghèo
98	Đoàn Đức Tình	04/01/1958	Lau Sau	140	20	Hộ cận nghèo
99	Nguyễn Thị Sen	25/5/1945	La Bằng	120	20	Hộ cận nghèo
100	Lê Thị Ban	20/12/1983	La Bằng	135	20	Hộ cận nghèo
101	Lê Văn Thắng	16/10/1968	La Bằng	135	20	Hộ cận nghèo
102	Vũ Thị Chỉnh	30/04/1905	Đồng Tiến	140	20	Hộ cận nghèo
103	Trần Thị Bình	01/06/1905	Đồng Tiến	130	20	Hộ cận nghèo
104	Trần Thị Hoài	16/1/1987	La Cút	85	20	Hộ cận nghèo
105	Vũ Thị Mai	10/08/1967	La Cút	110	20	Hộ cận nghèo
106	Hoàng Thị Luyện	18/9/1982	Rừng Vần	115	20	Hộ cận nghèo
107	Đỗ Thị Mận	09/07/1950	Tân Sơn	135	20	Hộ cận nghèo
108	Đặng Văn Đường	12/06/1989	Tân Sơn	130	20	Hộ cận nghèo
109	Lý Văn Thái	08/02/1958	Tân Sơn	105	20	Hộ cận nghèo
110	Lý Tài Hiền	21/9/1973	Đồng Đình	140	20	Hộ cận nghèo
111	Nguyễn Thị Nga	23/1/1990	Đồng Đình	125	20	Hộ cận nghèo
112	Bế Thị Nhình	22/12/1957	Non Bẹo	90	20	Hộ cận nghèo

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO SAU RÀ SOÁT NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số 193TB-UBND, ngày 03 tháng 11 năm 2025 của UBND xã La Bằng)

	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	xóm	số điểm B1	số điểm B2	thuộc đối tượng
1	Phùng Thị Minh	20/12/1953	Đồng Khuân	160	10	Hộ thoát cận nghèo
2	Triệu Văn Sỹ	29/3/1986	Suối Chùn			Không xét, không có mặt tại địa phương
3	Nguyễn Văn Khiết	10/02/1950	Đoàn Thắng	120	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
4	Nguyễn Văn Dũng	1994	Đầm Cầu	200	20	Hộ thoát nghèo
5	Dương Thị Tước	01/10/1941	La Dây	140	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
6	Trần Đắc Thi	01/09/1983	La Dây	200	20	Hộ thoát cận nghèo
7	Nguyễn Thị Lý	21/8/1958	La Dây	145	10	Hộ thoát cận nghèo
8	Bùi Thanh Yết	05/10/1958	La Dây	170	10	Hộ thoát cận nghèo
9	Nguyễn Thị Huệ	24/9/1949	Làng Đảng	135	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
10	Đoàn Thị Mau	10/10/1959	Làng Đảng	155	10	Hộ thoát cận nghèo
11	Vi Văn Cầu	07/06/1987	Làng Đảng	155	20	Hộ thoát cận nghèo
12	Nguyễn Thị Phúc	09/01/1955	Làng Đảng	190	10	Hộ thoát cận nghèo
13	Nguyễn Thị Nhiễu	06/11/1963	Ao Mật	155	20	Hộ thoát nghèo
14	Nguyễn Thị Mận	09/04/1947	Ao Mật	160	20	Hộ thoát cận nghèo
15	Nguyễn Thị Hường		Ao Mật	125	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
16	Nguyễn Văn Ri	03/05/1905	Tiên trường 2	180	0	Hộ thoát cận nghèo
17	Tô Nhật Thành	04/10/1950	Đại Quyết	165	10	Hộ thoát cận nghèo
18	Cao Xuân Hương	21/1/1940	Đại Quyết	140	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
19	Đỗ Thị Hường	12/12/1987	Phúc Lẩm	135	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
20	Vương Thị San	23/12/1961	Phúc Lẩm	175	10	Hộ thoát cận nghèo
21	Ngô Văn Chung	10/10/1974	Phúc Lẩm	160	10	Hộ thoát cận nghèo
22	Ngô Văn Chi	15/7/1940	Phố Dầu	175	40	Hộ thoát cận nghèo
23	Nguyễn Văn Vĩ	15/6/1974	Tiên Hội	140	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
24	Nguyễn Văn Duy	01/10/1980	Lau Sau	155	10	Hộ thoát cận nghèo
25	Đoàn Đức Tình	04/01/1958	Lau Sau	140	20	Hộ thoát nghèo sang hộ cận nghèo
26	Nguyễn Thị Hoa	01/05/1964	La Bằng	150	30	Hộ thoát cận nghèo
27	Lưu Thị Sấu	30/04/1905	Đồng Tiến	175	20	Hộ thoát nghèo

28	Lương Văn Lĩnh	18/7/1973	La Cút	200	30	Hộ thoát cận nghèo
29	Nguyễn Thị Hồng Tâm	18/10/1950	La Cút	150	20	Hộ thoát cận nghèo
30	Trần Thị Nghiệp	04/10/1960	La Cút	150	20	Hộ thoát nghèo
31	Lưu Thanh Hùng	03/08/1949	Tân Sơn	145	40	Hộ thoát cận nghèo
32	Phạm Thị Soan	05/10/1958	Tân Sơn	160	40	Hộ thoát cận nghèo
33	Phan Văn Tân	10/10/1951	Tân Sơn	160	30	Hộ thoát cận nghèo